

Số 77/KH -TrTHMP

Mường Pôn, ngày 03 tháng 9 năm 2025

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG Năm học 2025- 2026

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

- Căn cứ Nghị Quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 Hội nghị Trung ương 8 khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo;
- Căn cứ Nghị quyết 88/2014/QH13 ngày 28/11/2014 về đổi mới chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông;
- Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018, của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Ban hành chương trình GDPT 2018.
- Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học;
- Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT về Ban hành quy định đánh giá học sinh tiểu học.
- Căn cứ văn bản số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;
- Căn cứ văn bản số 3535/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong Chương trình GDPT 2018 từ năm học 2020 - 2021;
- Căn cứ văn bản số 3536/BGDĐT- GDTH ngày 19/8/2019 về việc biên soạn, thẩm định nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học trong Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và tổ chức thực hiện từ năm học 2020 - 2021; Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT v/v xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường. Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nội dung giáo dục địa phương cấp Tiểu học từ năm học 2020-2021
- Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT V/v Hướng dẫn tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học, giáo dục kỹ năng công dân số cho học sinh.
- Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về hướng dẫn tổ chức dạy môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình GDPT 2018; Căn cứ Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; Công văn số 833/SGDĐT-GDTH ngày 13/4/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo

về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học; Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 của Sở GD&ĐT V/v tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh, tham gia các hoạt động thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

- Căn cứ Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của BGDĐT; Công văn số 652/SGDĐT-GDMT của SGD&ĐT tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học.

- Căn cứ Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của BGDĐT Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp 1.

- Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên;

- Căn cứ văn bản số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29 tháng 8 năm 2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Điện Biên về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026;

Trường PTDTBT TH Mường Pồn xây dựng Kế hoạch giáo dục năm học 2025 - 2026 như sau:

II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2025-2026

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương

Mường Pồn là xã miền núi, biên giới có diện tích tự nhiên là 25.876,48 ha, có 27,379 km đường biên giới quốc gia tiếp giáp với huyện Mường Mây, tỉnh Phong Sa Ly, Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào¹ với 7 cột mốc². Xã có 22 bản³; dân số là 10.401 người, gồm 4 dân tộc, trong đó: Dân tộc Mông chiếm 36,27%; dân tộc Thái chiếm 44,90%; dân tộc Khơ Mú chiếm 17,59%; dân tộc Kinh chiếm 1,25%.

1.1 Thuận lợi:

Mường Pồn là xã có trục đường Quốc lộ 12 đi qua, có thuận lợi cho việc giao thương; tiếp tục nhận được sự quan tâm chỉ đạo, đầu tư của Trung ương, tỉnh bằng các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng - an ninh. Các phong trào thi đua yêu nước tiếp tục được triển khai mạnh

¹ bản Co Lúu, cụm Là Lăm và bản Huổi lái, cụm Phồn Xầy

² Từ cột mốc 83 đến mốc 89, trong đó có 01 cụm mốc 84 (2), 84 (3), 84 (1)/Lào và 04 cọc dấu mốc 83, (1), (2), (3), (4).

³ Gồm: bản Mường Mươn 1, Mường Mươn 2, Huổi Meo, Pú Chả, Huổi Nhả, Pú Múa, Kết Tinh, Huổi Ho, Huổi Vang, Púng Giắt 1, Púng Giắt 2, Huổi Chan 1, Huổi Chan 2, Tin Tộc, bản Lĩnh, Mường Pồn 1, Mường Pồn 2, Cò Chạy 1, Cò Chạy 2, Pá Chả, Huổi Un, Đỉnh Đèo, trong đó có 04 bản giáp biên: Huổi Chan 1, Tin Tộc, bản Lĩnh, Pá Chả. Trong đó có 06 bản giáp biên (Huổi Meo, Kết Tinh, Pá Chả, bản Lĩnh, Tin Tộc, Huổi Chan 1).

mẽ tạo động lực thúc đẩy lao động, sản xuất phấn đấu hoàn thành thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ đề ra. An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội ổn định, quốc phòng đảm bảo; công tác cải cách hành chính, củng cố tổ chức bộ máy, cán bộ được củng cố, kiện toàn; Nhân dân các dân tộc đoàn kết tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, Nhà nước.

- Công tác giáo dục của nhà trường luôn có sự quan tâm của của Đảng uỷ, HĐND, UBND xã, các ban ngành đoàn thể địa phương, đảm bảo các nguồn lực đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ cho công tác giảng dạy và các điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông mới 2018.

- Trình độ dân trí ngày càng được nâng cao, các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm chăm lo đến công tác giáo dục; Các tổ chức xã hội, các đoàn thể và cá nhân đã tham gia tích cực vào công tác huy động các nguồn lực tạo môi trường giáo dục thuận lợi cho nhà trường.

** Khó khăn:*

Xã Mường Pôn là xã mới được sáp nhập trên cơ sở giữa xã Mường Mươn của huyện Mường Chà và xã Mường Pôn của huyện Điện Biên, xã đặc biệt khó khăn, kinh tế chậm phát triển, giao thông đi lại từ xã đến một số bản khó khăn, nhất là vào mùa mưa lũ. Địa bàn xã rộng, dân cư phân bố rải rác, không tập trung; phong tập quán có sự khác nhau; trình độ dân trí không đồng đều, gây khó khăn trong việc tuyên truyền, vận động và triển khai các chính sách. Việc tiếp cận và áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất của người dân còn hạn chế.

Thời tiết diễn biến bất thường, do ảnh hưởng bởi thiên tai, dịch bệnh trên vật nuôi diễn biến phức tạp; công tác khắc phục hậu quả do thiên tai gây ra còn nhiều hạn chế và gặp không ít khó khăn; nguồn lực để thực hiện hỗ trợ, di dân tái định cư, ổn định đời sống Nhân dân còn hạn chế; một số diện tích sản xuất nông nghiệp như diện tích sản xuất cây lương thực, thủy sản bị vùi lấp, hư hỏng nghiêm trọng không có khả năng khôi phục lại làm ảnh hưởng trực tiếp đến sinh kế của người dân và phát triển kinh tế xã hội trên địa bàn xã.

Tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội còn tiềm ẩn những yếu tố phức tạp, đặc biệt là các tệ nạn xã hội như tàng trữ, vận chuyển và sử dụng trái phép các chất ma túy

Trình độ một bộ phận nhân dân còn thấp, đời sống nhân dân còn khó khăn, mức thu nhập thấp; nhận thức về công tác giáo dục còn hạn chế, việc quan tâm, đầu tư cho con em học tập chưa đạt được sự mong đợi.

Năm học 2025-2026 toàn trường có 04 học sinh khuyết tật học hòa nhập và 01 HS mồ côi, tỉ lệ con hộ nghèo, cận nghèo chiếm trên 27%.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2025 – 2026

2.1. Đặc điểm học sinh của trường

Năm học 2025-2026 toàn trường có tổng số 15 lớp với số 367 học sinh, được phân bổ như sau:

Khối	Số lớp	TS HS	Nữ	Dân tộc	Nữ dân tộc	HS diện chính sách				HS khuyết tật	Học sinh bán trú
						Mồ côi	Hộ nghèo	Cận nghèo	Khuyết tật (TT42)		
1	4	72	41	72	41	1	15	10	1	1	4
2	3	72	34	71	33	0	15	3	0	0	12
3	3	83	32	83	32	0	14	11	1	1	56
4	2	66	26	66	26	1	10	5	0	0	56
5	3	74	32	74	32	0	16	3	2	2	54
Tổng	15	367	165	365	164	2	70	32	4	4	182

- 100% số lớp và số học sinh học 2 buổi/ngày.

- Sĩ số học sinh/lớp đảm bảo theo quy định; bình quân học sinh/lớp: 24,4

- Tỷ lệ học sinh nữ: 165/367 đạt 45,0%.

2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý

a) Về số lượng, trình độ đào tạo

	Tổng số	Nữ	Dân tộc	Trình độ đào tạo					Ghi chú
				Th. sĩ	ĐH	CĐ	TC	Khác	
CBQL	2	1	0	2	0	0	0	0	
GV	27	18	9	0	27	0	0	0	
NV	4	2	3	0	1	2	0	1	
Tổng	33	20	12	2	28	2	0	1	

b) Về cơ cấu đội ngũ

- CBQL: 02, trong đó: Phó hiệu trưởng PT: 1; Phó hiệu trưởng: 01;

- Tổng số giáo viên: 27, trong đó: Giáo viên văn hóa: 20, Tiếng Anh: 02, Âm nhạc 01, GDTC: 02; Mỹ thuật: 01, Tin học: 01.

- Tổng số nhân viên: 04 (Kế toán: 01; Y tế: 01; Thư viện: 01; bảo vệ: 01).

c) Về thuận lợi, khó khăn

* Thuận lợi

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên cơ bản đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình giáo dục phổ thông. Đội ngũ phải biết khai thác, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin trong đổi mới quản lý và đổi mới phương pháp giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động học tập của học sinh để nâng cao chất lượng.

+ Đội ngũ GV đủ về số lượng đảm bảo định mức theo quy định 1,5 GV/lớp; Cơ cấu đủ theo các môn học (Tiếng Anh: 2; GDTC: 2 - 1 GDTC (Kiêm công tác Đội); Âm nhạc: 1; Mỹ thuật: 1; Tin học: 1). Đa số có năng lực chuyên môn vững vàng, yêu nghề, có trách nhiệm cao trong công tác.

+ 100% GV sử dụng hình thức, phương pháp dạy học và giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh hiệu quả; Tích cực ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục.

+ Đa số giáo viên làm tốt công tác tư vấn, hỗ trợ tốt học sinh trong dạy học và giáo dục.

+ Nhiều giáo viên phối hợp tốt với gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học, giáo dục cho học sinh.

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Thực hiện hiệu quả các công việc chuyên môn theo kế hoạch giáo dục nhà trường.

+ Lập kế hoạch công việc chuyên môn phù hợp với kế hoạch giáo dục nhà trường;

+ Phối hợp tốt với giáo viên, học sinh, nhân viên khác trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Về cán bộ quản lý:

+ Có đủ về số lượng, trình độ chuyên môn nghiệp vụ vững vàng, có nhiều năm kinh nghiệm trong công tác quản trị nhà trường.

+ Có năng lực hỗ trợ, hướng dẫn đồng nghiệp trong công tác quản trị nhà trường; Có năng lực kết nối cộng đồng.

+ Quản trị tốt các nguồn lực trong nhà trường đáp ứng CTGDPT 2018.

*** *Khó khăn***

- Về đội ngũ giáo viên:

+ Phần lớn giáo viên còn hạn chế về trình độ ngoại ngữ. Một số giáo viên tuổi cao việc ứng dụng công nghệ thông tin còn chưa tốt.

+ Tỷ lệ giáo viên nữ chiếm 60,6% nhà trường có nhiều điểm trường lẻ, cách xa trung tâm, đường xá đi lại khó khăn.

- Về đội ngũ nhân viên:

+ Kỹ năng xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ còn hạn chế.

+ Nhân viên văn phòng và nhân viên bảo vệ sử dụng công nghệ thông tin chưa tốt.

- Về cán bộ quản lý: Việc sử dụng ngoại ngữ chưa thành thạo.

2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú, nội trú

- Tổng số phòng học: 15 phòng, đảm bảo tỷ lệ 01 phòng học/lớp (Trung tâm: 10 phòng; các điểm trường: 5 phòng).
- Tổng số phòng học bộ môn: 03 phòng, trong đó:
 - + Trung tâm có 03 phòng (gồm: 01 phòng ngoại ngữ; 01 phòng Tin học; 01 phòng nghệ thuật).
 - + Điểm trường Cò Chạy có 02 phòng học.
 - + Điểm trường Pá Chả có 01 phòng học.
 - + Điểm trường Huồi Un có 02 phòng học.
- Tổng số phòng chức năng: 06 phòng, trong đó: Phòng phó hiệu trưởng - PT: 01; PHT: 01; Văn phòng: 01; Y tế: 01; Thư viện: 01; Thiết bị: 01.
- Thiết bị dạy học: Có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định. Ngoài ra nhà trường còn được trang bị một số thiết bị dạy học hiện đại phục vụ nhu cầu giáo dục và hoạt động.
 - + Tổng số máy chiếu: 12 (lắp cố định tại các phòng học, phòng học bộ môn; 03 máy di động). Màn hình tương tác: 05 cái.
 - + Máy chiếu vật thể: 10 cái.
 - + Tủ âm loa, đài: 03 bộ.
- Trung tâm và điểm trường đều có sân chơi, bãi tập đảm bảo tổ chức các hoạt động giáo dục trong nhà trường.
- Nhà bếp 1 Nhà ăn: 01 tại điểm trung tâm, nhà bếp, nhà ăn đủ cơ sở vật chất cho 181 học sinh ăn, nghỉ bán trú.

3. Định hướng xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường

- 100% các lớp tổ chức dạy học 2 buổi/ngày (9 buổi/ tuần); mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học; mỗi tiết học 35 phút.
- Thực hiện Chương trình GDPT 2018 đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT; tiếp cận với Chương trình giáo dục phổ thông 2018 theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.
- Tiếp tục xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT với hình thức linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

- Tổ chức dạy môn Tiếng Anh tự chọn đối với lớp 1, 2 Chương trình làm quen với tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT, công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về hướng dẫn tổ chức dạy môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình GDPT 2018; Lớp 3, 4, 5 thực hiện theo Chương trình GDPT 2018 môn Ngoại ngữ 1 với tổng số 140 tiết/năm học (4 tiết/tuần) tại Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GD&ĐT về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học.

- Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh học Tiếng Anh qua truyền hình, các phương tiện truyền thông phù hợp khác và đẩy mạnh thực hành Tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, câu lạc bộ, các sân chơi, giao lưu Tiếng Anh.

- Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học tại Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 của Bộ GD&ĐT về việc tổ chức dạy học môn tin học chương trình GDPT 2018 cấp tiểu học.

- Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng phần mềm quản lý kết quả giáo dục và học tập của học sinh.

- ***Đẩy mạnh chuyển đổi số trong quản lý và dạy học, thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”.***

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng “Hành trang số” “OLM”, phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên toàn cấp học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu Tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong (TNTP) Hồ Chí Minh, Sao nhi đồng.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm thực đơn cân bằng dinh dưỡng, phần mềm dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình VTV. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn, Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo, trong khu vực và

trên phạm vi cả nước.

- Hiệu trưởng quyết định và cho phép cán bộ quản lý, tổng phụ trách Đội TNTP Hồ Chí Minh, giáo viên, nhân viên thư viện, nhân viên y tế được phép sử dụng hồ sơ (bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ thư viện, hồ sơ theo dõi công tác y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...) điện tử để quản lý trên môi trường số.

- Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy của nhà trường.

- Thực hiện việc đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn tại Văn bản số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng công dân số ở cấp tiểu học ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kỹ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giáo viên cốt cán về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kỹ năng công dân số theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT Tham gia tập huấn, bồi dưỡng về Giáo dục kỹ năng công dân số cho CBQL, giáo viên; tổ chức sinh hoạt chuyên đề về thực hiện Giáo dục kỹ năng công dân số để nâng cao chất lượng đội ngũ thực hiện hiệu quả.

- Thực hiện hiệu quả các hoạt động giáo dục STEM nhằm hỗ trợ, tăng cường giáo dục Khoa học, Công nghệ, Kỹ thuật, Toán, Tin học và Nghệ thuật; tạo hứng thú, khơi gợi niềm say mê học tập, giúp học sinh khám phá tiềm năng của bản thân, khám phá khoa học, công nghệ, phát huy tính tích cực sáng tạo và vận dụng vào giải quyết vấn đề trong bối cảnh cụ thể của thực tiễn cuộc sống

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM ở cấp tiểu học theo hướng dẫn tại Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 của Bộ GD&ĐT và Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học.

Tổ chức hoạt động giáo dục STEM bám sát mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý, trình độ phát triển nhận thức của học sinh và điều kiện của nhà trường; thúc đẩy tổ chức dạy học tích hợp; tạo không gian STEM trong lớp, trường để học sinh được trưng bày sản phẩm STEM ...

Các tổ chuyên môn chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện giáo dục STEM trong kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 06/7/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của nhà trường và theo hướng tiếp cận liên môn. Thời lượng tổ

chức thực hiện bài học STEM được xây dựng dựa trên thời lượng các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan đến bài học STEM một cách khoa học, linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, không gây quá tải đối với học sinh và giáo viên và được thể hiện trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo quy định; hướng dẫn giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

Nhà trường thực hiện 02 chủ đề/học kỳ/khối lớp;

Huy động các nguồn lực cộng đồng và tích cực xây dựng chuẩn hóa phòng Khoa học và Công nghệ theo quy định, chuẩn bị các điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu tổ chức hoạt động giáo dục STEM.

- Đối với học sinh khuyết tật học hòa nhập

+ Thực hiện nghiêm túc Luật Người khuyết tật 2010, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC ngày 31/12/2013 của liên Bộ GD&ĐT - Bộ Lao động Thương binh và xã hội - Bộ Tài Chính về Quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT ngày 29/01/2018 của Bộ GD&ĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

+ Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập.

+ Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân và theo quy định.

+ Triển khai thực hiện Chương trình nâng cao chất lượng bảo vệ, chăm sóc trẻ em khuyết tật cần trợ giúp xã hội trên địa bàn huyện Điện Biên giai đoạn 2022-2030 theo quy định tại công văn số 237/PGDĐT-VP ngày 10/3/2022 của Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- Tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương

Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 tỉnh Điện Biên thực hiện theo hướng dẫn tại Công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 của Sở GD&ĐT và được dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm.

Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

- Tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số

Việc dạy học tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số sử dụng các tài liệu đã được Bộ Giáo dục và Đào tạo tổ chức biên soạn, thẩm định và phê

duyet (Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên lớp 1 và học sinh lớp 1; Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2; Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3. Quyết định số 521/QĐ-BGDĐT ngày 21/02/2022 dành cho giáo viên lớp 4 và học sinh lớp 4).

Tổ chức dạy học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp Một.

Triển khai dạy học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp Một theo quy định, thời lượng 72 tiết tại Thông tư số 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023 của Bộ GDĐT, Nghị quyết số 20/2024/NQ-HĐND ngày 10/12/2024 của HĐND tỉnh và Công văn số 3430/UBND-KGVX ngày 11/7/2025 của UBND tỉnh Điện Biên, Công văn số 1359/CV-SGDĐT ngày 14/5/2025 của Sở GDĐT.

Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy Tập làm văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp. Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức hoạt động thư viện xanh, thư viện lưu động, thư viện góc lớp, giao lưu tiếng Việt.

- Sử dụng Tài liệu Giáo dục địa phương các lớp 1, 2, 3, 4, 5 - CTGDPT 2018; Đảm bảo thực hiện đầy đủ nội dung theo từng khối lớp.

- Sách, tài liệu, hoạt động thư viện, thiết bị: Xây dựng tủ sách lớp học, xây dựng mô hình “thư viện thân thiện”, phát triển văn hóa đọc phù hợp điều kiện thực tế. Quan tâm đẩy mạnh việc đọc sách của học sinh tại trường. Triển khai thực hiện thiết bị dạy học tự làm.

- Các hình thức tổ chức dạy học trong năm học

+ Đối với những môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc: Nhà trường tổ chức dạy học trên lớp kết hợp với dạy học tích hợp liên môn và tổ chức các hoạt động trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương đối với một số mạch kiến thức phù hợp để phát triển phẩm chất, năng lực cho học sinh.

Tổ chức dạy học phân hóa, dạy học tích hợp. Tổ chức dạy học trải nghiệm tập trung vào hoạt động khám phá bản thân, hoạt động rèn luyện, hoạt động phát triển quan hệ bạn bè thầy cô và những người thân trong gia đình và các hoạt động xã hội gắn gũi với học sinh.

III. Mục tiêu giáo dục năm học 2025-2026

1. Mục tiêu chung

- Đảm bảo môi trường giáo dục lành mạnh, thân thiện, an toàn, tạo điều kiện để mỗi học sinh có cơ hội bình đẳng trong học tập và phát triển những năng lực

sẵn có của từng cá nhân, giúp học sinh hình thành và phát triển những nhân tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hòa về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực; định hướng chính vào giáo dục về giá trị bản thân, gia đình, cộng đồng và những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt.

- Phát huy hiệu quả, tiếp tục thực hiện nội dung các cuộc vận động và phong trào thi đua: Thực hiện Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị về đẩy mạnh học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh; tăng cường giáo dục đạo đức, kỹ năng sống cho học sinh. Cùng cố kết quả cuộc vận động chống tiêu cực và khắc phục bệnh thành tích trong giáo dục, thực hiện cuộc vận động “Mỗi thầy cô giáo là một tấm gương đạo đức, tự học và sáng tạo” và xây dựng trường học thân thiện, học sinh tích cực.

- Thực hiện chương trình giáo dục: Thực hiện đúng kế hoạch, chương trình dạy học, tiếp tục chỉ đạo việc quản lý, tổ chức dạy học theo chuẩn kiến thức, kỹ năng và định hướng phát triển năng lực học sinh; điều chỉnh nội dung dạy học phù hợp đặc điểm tâm sinh lý học sinh tiểu học; tích hợp các nội dung giáo dục vào các môn học và hoạt động giáo dục, tổ chức dạy học 2 buổi/ngày. Tiếp tục đổi mới đồng bộ phương pháp dạy học theo hướng hiện đại, đẩy mạnh các phương pháp, kỹ thuật dạy học tích cực như dạy học theo dự án, bản đồ tư duy, phương pháp “Bàn tay nặn bột”...

- Thực hiện hiệu quả Chương trình GDPT cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT (Chương trình GDPT 2018) đối với lớp 1, lớp 2, lớp 3, lớp 4, lớp 5.

- Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục, tích cực đổi mới công tác quản lý giáo dục; phát triển đội ngũ, đề cao trách nhiệm của một nhà giáo, khuyến khích sự sáng tạo của giáo viên và cán bộ quản lý giáo dục. Đẩy mạnh việc ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học và quản lý, thực hiện hồ sơ sổ sách, thống kê số liệu, báo cáo. Duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học.

- Đẩy mạnh công tác giáo dục thể chất, giáo dục thẩm mỹ gắn với các hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa. Tiếp tục đưa giáo dục văn hóa truyền thống vào nhà trường.

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Duy trì số lượng học sinh

Duy trì 367/367 học sinh đi học chuyên cần đạt tỉ lệ 100%. Duy trì đến cuối năm học không có học sinh bỏ học giữa chừng.

2.2. Chất lượng giáo dục

a) Về môn học và hoạt động giáo dục

Khối lớp		Khối 1		Khối 2		Khối 3		Khối 4		Khối 5		Tổng cộng	
TS học sinh		72		72		83		66		74		367	
HS Khuyết tật		1		0		1		0		2		4	
Môn học	MĐĐ	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%	TS	TL%
1. Tiếng Việt (367)	HTT	41	57	39	54,2	41	49,4	31	47	36	48,6	188	51,2
	HT	31	43	33	45,8	42	50,6	35	53	38	51,4	179	48,8
	CHT												
2. Toán (367)	HTT	41	57	37	51,4	42	50,6	31	47	36	48,6	187	51,0
	HT	31	43	35	48,6	41	49,4	35	53	38	51,4	180	49,0
	CHT												
3. Tiếng Anh (367)	HTT	39	54,2	36	50	41	49,4	31	47	36	48,6	183	49,9
	HT	33	45,8	36	50	42	50,6	35	53	38	51,4	184	50,1
	CHT												
4. Đạo đức (367)	HTT	40	55,5	39	54,2	45	54,2	36	54,5	44	59,5	204	55,6
	HT	32	44,5	33	45,8	38	45,8	30	45,5	30	40,5	163	44,4
	CHT												
5. TN&XH (227)	HTT	40	55,5	39	54,2	45	54,2					124	54,6
	HT	32	44,5	33	45,8	38	45,8					103	45,4
	CHT												
6. Âm nhạc (367)	HTT	42	58,3	40	55,6	46	55,4	36	54,5	42	57	206	56,1
	HT	30	41,7	32	44,4	37	44,6	30	45,5	32	43	161	43,9
	CHT												
7. Mỹ thuật (367)	HTT	42	58,3	40	55,6	46	55,4	38	57,6	42	57	208	56,7
	HT	30	41,7	32	44,4	37	44,6	28	42,4	32	43	159	43,3
	CHT												
8. GDTC (367)	HTT	42	58,3	40	55,6	45	54,2	37	56,1	43	58	207	56,4
	HT	30	41,7	32	44,4	38	45,8	29	43,9	31	42	160	43,6
	CHT												
9. HĐTN (367)	HTT	42	58,3	40	55,6	45	54,2	39	59,1	43	58	209	56,9
	HT	30	41,7	32	44,4	38	45,8	27	41,9	31	42	158	43,1
	CHT												
10. Tin học/ Công nghệ (223)	HTT					45	54,2	31	47	36	48,6	112	50,2
	HT					38	45,8	35	53	38	51,4	111	49,8
	CHT												
11. LS&ĐL (140)	HTT							31	47	36	48,6	67	47,9
	HT							35	53	38	51,4	73	52,1
	CHT												
12. Khoa học (140)	HTT							31	47	36	48,6	67	47,9
	HT							35	53	38	51,4	73	52,1
	CHT												

b) Những phẩm chất chủ yếu:

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3					
Tổng số HS	72						72						83					
HS Khuyết tật	1						0						1					
Phẩm chất	Mức đạt được																	
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	72	100	0		0		72	100	0	0	0		83	100	0	0	0	
2. Nhân ái	72	100	0		0		53	73,6	19	26,4	0		83	100	0	0	0	
3. Chăm chỉ	60	83,3	12	16,7	0		50	69,4	22	30,6	0		41	49,4	42	50,6	0	
4. Trung thực	60	83,3	12	16,7	0		53	73,6	19	26,4	0		41	49,4	42	50,6	0	
5. Trách nhiệm	60	83,3	12	16,7	0		50	69,4	22	30,6	0		41	49,4	42	50,6	0	

Khối lớp	Khối 4						Khối 5						Tổng cộng khối 1+2+3+4+5					
Tổng số HS	66						74						367					
HS Khuyết tật	0						2						4					
Phẩm chất	Mức đạt được																	
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
1. Yêu nước	66	100	0	0	0		74	100	0	0	0		367	100	0		0	
2. Nhân ái	60	90,9	6	9,1	0		56	76	18	24	0		324	88,3	43	11,7	0	
3. Chăm chỉ	32	48,5	34	51,5	0		56	76	18	24	0		239	65,1	128	34,9	0	
4. Trung thực	60	90,9	6	9,1	0		56	76	18	24	0		270	73,6	97	26,4	0	
5. Trách nhiệm	33	50	33	50	0		56	76	18	24	0		240	65,4	127	34,6	0	

c) Những năng lực cốt lõi:

Khối lớp	Khối 1						Khối 2						Khối 3					
Tổng số HS	72						72						83					
HS Khuyết tật	1						0						1					
Năng lực	Mức đạt được																	
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
- Năng lực chung																		
1. Tự chủ và tự học	41	57	31	43	0		39	54,2	33	45,8	0		41	49,4	42	50,6	0	
2. Giao tiếp và hợp tác	41	57	31	43	0		39	54,2	33	45,8	0		41	49,4	42	50,6	0	
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	41	57	31	43	0		39	54,2	33	45,8	0		41	49,4	42	50,6	0	
- Năng lực đặc thù																		
1. Ngôn ngữ	41	57	31	43	0		39	54,2	33	45,8	0		41	49,4	42	50,6	0	
2. Tính toán	40	55,5	32	44,5	0		39	54,2	33	45,8	0		41	49,4	42	50,6	0	
3. Khoa học	41	57	31	43	0		39	54,2	33	45,8	0		44	53	39	47	0	
4. Thẩm mỹ	42	58,3	30	41,7	0		40	55,6	32	44,4	0		44	53	39	47	0	
5. Thể chất	42	58,3	30	41,7	0		40	55,6	32	44,4	0		44	53	39	47	0	
6. Công nghệ													44	53	39	47	0	
7. Tin học													44	53	39	47	0	

Khối lớp	Khối 4						Khối 5						Tổng cộng khối 1+2+3+4+5					
Tổng số HS	66						74						367					
HS Khuyết tật	0						2						4					
Năng lực	Mức đạt được																	
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
- Năng lực chung																		
1. Tự chủ và tự học	32	48,5	34	51,5	0		36	48,6	38	51,4	0		189	51,5	178	48,5	0	
2. Giao tiếp và hợp tác	30	45,5	36	54,5	0		36	48,6	38	51,4	0		187	51,0	180	49,0	0	
3. Giải quyết vấn đề và sáng tạo	32	48,5	34	51,5	0		36	48,6	38	51,4	0		189	51,5	178	48,5	0	
- Năng lực đặc thù																		
1. Ngôn ngữ	31	47	35	53	0		36	48,6	38	51,4	0		188	51,2	179	48,8	0	
2. Tính toán	31	47	35	53	0		36	48,6	38	51,4	0		187	51,0	180	49,0	0	
3. Khoa học	31	47	35	53	0		36	48,6	38	51,4	0		191	52,0	176	48,0	0	
4. Thẩm mỹ	38	57,6	28	42,4	0		42	57	32	43	0		206	56,1	161	43,9	0	
5. Thể chất	37	56,1	29	43,9	0		43	58	31	42	0		206	56,1	161	43,9	0	
6. Công nghệ (223)	32	48,5	34	51,5	0		36	48,6	38	51,4	0		112	50,2	111	49,3	0	
7. Tin học (223)	31	47	35	53	0		36	48,6	38	51,4	0		111	49,3	112	50,2	0	

d) Kết quả giáo dục cuối năm học:

- Kết quả giáo dục cuối năm học khối 1+ 2+ 3+4+5:

Khối lớp	TSHS Được đánh giá	HTXS		HTT		HT		CHT		Ghi chú
		TS	TL	TS	TL	TS	TL	TS	TL	
1	72	11	15,2	32	44,4	29	40,3	0		
2	72	14	19,5	25	34,7	33	45,8	0		
3	83	12	14,5	29	34,9	42	50,6	0		
4	66	9	13,6	21	31,8	36	57,6	0		
5	74	10	13,5	26	35,1	38	51,4%	0		
Tổng	367	56	15,3	133	36,2	178	48,5	0		

- Hoàn thành chương trình lớp học: 293/293, tỷ lệ 100% (gồm 04 học sinh khuyết tật học hòa nhập).

- Hoàn thành chương trình Tiểu học: 74/74, tỷ lệ 100% .

e) Các hoạt động khác:

- 100% các lớp có học sinh tham gia các cuộc thi, hội thi giao lưu (theo quy định) do trường và xã phát động trong năm học.

- 100% HS thực hiện đầy đủ, tốt nền nếp thể dục, vệ sinh, ca múa hát đầu giờ, hoạt động tập thể sân trường, trang phục học sinh học đường sạch sẽ, gọn gàng (100% HS mặc đồng phục thứ 2,3,5,6 hàng tuần).

- 100% các lớp trang trí lớp theo quy định, theo chủ điểm từng tháng linh hoạt, phù hợp và thân thiện.

- 100% các lớp, học sinh có năng lực, năng khiếu tham gia tích cực các cuộc giao lưu, các câu lạc bộ do đội, trường và ngành phát động.

- 100% hưởng ứng tích cực các hoạt động quyên góp, ủng hộ theo khả năng.

- Giáo dục học sinh tích cực tham gia hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa do nhà trường tổ chức: Tổ chức thăm hỏi các gia đình chính sách, thăm quan các di tích lịch sử: 2 lần/năm học.

g) Khen thưởng cuối năm học:

Khối	TSHS	Khen thưởng					
		TSHS được KT		HSXS/HTXS các nội dung học tập và rèn luyện		Có thành tích vượt trội/ HS tiêu biểu HTT	
		SL	TL %	SL	TL %	SL	TL %
1	72	23	31,9	11	15,2	12	16,7
2	72	32	40,3	14	19,5	18	25
3	83	27	32,6	12	14,5	15	18,1
4	66	17	25,6	9	13,6	8	12,1
5	74	23	31	10	13,5%	13	17,5
Tổng	367	122	33,2	56	15,3	66	18,0

IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học

1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục

(Khối 1, 2, 3, 4,5 theo Chương trình GDPT 2018

Phụ lục 1.1

T T	Hoạt động giáo dục	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
I. Môn học/hoạt động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Việt	420	216	204	350	180	170	245	126	119	245	126	119	245	126	119
2	Toán	105	54	51	175	90	85	175	90	85	175	90	85	175	90	85
3	Đạo đức	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17	35	18	17

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học

Phụ lục 1.2

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
Tháng 9	Chào mừng năm học mới	Khai giảng năm học mới; giới thiệu về truyền thống nhà trường.	Tập trung toàn trường; Theo lớp	Sáng thứ 6 ngày 5/9/2025	BGH; TPTĐ GVCN	Ban ĐDCMHS; GV các môn chuyên.
	HĐTN	- Tổ chức Tết Trung Thu cho học sinh. (15/8 Âm lịch)	Tập trung toàn trường	Chiều thứ hai ngày 6/10/2025 (60 phút) (15/8 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV toàn trường	Ban ĐDCMHS; Đoàn TNCSHCM xã; Nhân viên nhà trường
Tháng 10	Truyền thống nhà trường	Sinh hoạt truyền thống về ngày Bác Hồ gửi lá thư cuối cùng cho ngành GD (15/10/1968)	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai ngày 13/10/2025 (30 phút)	Tổng phụ trách đội	BGH, GVCN, GVBM
	HĐTN	Giao lưu văn nghệ; vẽ tranh; làm thiệp chúc mừng mẹ và cô nhân ngày 20/10	Tập trung toàn trường; theo khối lớp	Giờ SHL ngày 20/10/2025	TPTĐ, GVCN	BGH, GVBM, NV
Tháng 11	Kính yêu thầy giáo, cô giáo	Kỉ niệm ngày 20/11; Hội diễn văn nghệ	Tập trung toàn trường	Thứ năm ngày 20/11/2025	BGH, TPTĐ, GV âm nhạc.	Ban ĐDCMHS
Tháng 12	Uống nước nhớ nguồn	- Nghe kể chuyện về truyền thống lịch sử dân tộc. - Thi tìm hiểu truyền thống anh hùng của Quân đội NDVN.	Tập trung toàn trường	Sáng thứ hai ngày 22/12/2025 (60 phút)	Tổng phụ trách đội	- Đại diện Hội cựu chiến binh xã; BGH, GV, NV.
Tháng 1+2	Mừng Đảng, mừng xuân	- Tổ chức Gói bánh trưng - Trao quà tết cho HS có HCKK	Tập trung toàn trường	Thứ năm ngày 12/02/2026 (18/12 Âm lịch)	BGH; TPTĐ GV, NV toàn trường.	- Ban ĐDCMHS - Các lực lượng hỗ trợ, tài trợ...

Tháng 3	Yêu quý mẹ và cô giáo	- Làm thiệp chúc mừng cô, mẹ, bà nhân ngày Quốc tế phụ nữ 8/3.	Tập trung toàn trường	Giờ chào cờ đầu tuần ngày 2/3/2026 (60 phút)	BGH; TPTĐ GV toàn trường.	Ban ĐDCMHS
Tháng 4	Mừng đất nước nở hoa	Thi tìm hiểu về truyền thống lịch sử dân tộc	Học sinh khối 3,4,5	Sáng thứ Sáu ngày 27/4/2026 (60 phút)	PHT; TPTĐ	GVCV, GVBM
Tháng 5	Kính yêu Bác Hồ	- Tham quan di tích lịch sử Điện Biên Phủ; Viếng Đài tưởng niệm Liệt sĩ Bê Văn Đàn	Tập trung	Thứ năm ngày 7/5/2026	CBGVNV, HS khối lớp 5	- Ban ĐDCMHS - Đại diện lãnh đạo các ban ngành, đoàn thể xã.

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường
Phụ lục 1.3

STT	Nội dung	Hoạt động	Đối tượng/quy mô	Thời gian	Địa điểm	Ghi chú
1	Sinh hoạt câu lạc bộ, năng khiếu.	Tổ chức sinh hoạt câu lạc bộ theo nhu cầu người học.	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	1 lần/ tháng (Từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ).	Tại trường	
2	Vui chơi tự do; HĐTT sân trường	- Chơi trò chơi - Ca múa hát, HĐTT sân trường;	Học sinh từ khối 1 đến khối 5	Cuối buổi học thứ hai trong ngày (Từ 16 giờ 15 phút đến 17 giờ).	Tại sân trường	
3	HĐTN, RKNS, HĐGD khác	- GDKNS; hoạt động giải trí, đọc sách, đọc truyện,...	Học sinh bán trú	Trước hoặc sau bữa ăn trưa	Tại trường	

3. Tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục đối với các điểm trường

- Kế hoạch giáo dục đối với điểm trường lẻ thực hiện như trường trung tâm.
- Hoạt động câu lạc bộ sinh hoạt theo điểm trường và bố trí thời gian sinh hoạt luân phiên giữa các điểm trường cho phù hợp (do khoảng cách từ trường trung tâm tới điểm trường gần 2km; một số học sinh do không có người đưa đón hoặc phương tiện đi lại).

*** Khung thời gian hoạt động trong ngày**

Thời gian		Hoạt động
Buổi sáng		
7 giờ - 7 giờ 25 phút	20 phút	Sinh hoạt tập thể đầu giờ
7 giờ 30 phút - 8 giờ 05 phút	35 phút	Tiết 1
8 giờ 10 phút - 8 giờ 45 phút	35 phút	Tiết 2
8 giờ 45 phút - 9 giờ 05 phút	20 phút	Ra chơi
9 giờ 05 phút - 9 giờ 40 phút	35 phút	Tiết 3
9 giờ 40 phút - 10 giờ 30 phút	35 phút	Tiết 4
10 giờ 40 phút - 11 giờ 30 phút	60 phút	Ăn trưa + HĐTN/ Hoạt động giáo dục (HS bán trú)
Buổi chiều		
14 giờ - 14 giờ 35 phút	35 phút	Tiết 5
14 giờ 40 phút - 15 giờ 15 phút	35 phút	Tiết 6
15 giờ 15 phút - 15 giờ 35 phút	20 phút	Ra chơi
15 giờ 35 phút - 16 giờ 10 phút	35 phút	Tiết 7
Hoạt động cuối ngày		
Thời gian		Nội dung
16 giờ 10 phút đến 16 giờ 30 phút	20 phút	- Tổ chức các HĐGD: Trò chơi; CLB; ...
16 giờ 30 phút đến 17 giờ 30 phút	60 phút	- Vệ sinh cá nhân - Ăn uống, nghỉ ngơi
Hoạt động buổi tối		
19 giờ đến 19 giờ 30 phút	30 phút	- Xem tivi
19 giờ 35 phút đến 21 giờ	155 phút	- Học tập
21 giờ 10 phút đến 21 giờ 30 phút	20 phút	- Vệ sinh cá nhân
21 giờ 30		- Đi ngủ

* Ghi chú: Thời gian 1 tiết học 35 phút, 05 phút dành cho thời gian chuyển giữa các tiết học.

4. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục

Thực hiện Căn cứ Quyết định số 1812/QĐ-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Điện Biên:

1. Ngày tựu trường, ngày khai giảng

a) Ngày tựu trường: ngày 29/8/2025. Riêng khối lớp 1 tựu trường ngày 22/8/2025.

b) Ngày khai giảng: 05/9/2025.

2. Ngày bắt đầu, kết thúc học kỳ I và học kỳ II.

a) Đối với cấp học có 35 tuần thực học:

- Học kỳ I (có 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác), kết thúc học kỳ I ngày 18/01/2026.

- Học kỳ II (có 17 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác): hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026.

Xét công nhận hoàn thành chương trình tiểu học trước ngày 15/6/2026.

Hoàn thành tuyển sinh các lớp đầu cấp trước ngày 31/7/2026

Căn cứ vào các quy định khác có liên quan đến thời gian của các cấp có thẩm quyền (quy định về lịch sinh hoạt chuyên môn trong tuần, tháng; sinh hoạt cụm chuyên môn số 3).

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học (các ngày nghỉ lễ theo quy định trùng vào các ngày học có kế hoạch học bù, các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng nếu có...)

* Tại trường PTDTBT Tiểu học Mường Pồn thời gian thực hiện chương trình năm học 2025 - 2026 đối với từng khối lớp cụ thể như sau:

- Đối với khối lớp 1:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 1 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 1 *đính kèm*)

- Đối với khối lớp 2:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 2 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 2 *đính kèm*)

- Đối với khối lớp 3:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 3 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 3 *đính kèm*)

- Đối với khối lớp 4:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 4 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 4 *đính kèm*)

- Đối với khối lớp 5:

+ Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học (Phụ lục 1.4 – Khối lớp 5 *đính kèm*)

+ Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp (Phụ lục 2 – Khối lớp 5 *đính kèm*)

Căn cứ hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục Tiểu học năm học 2025-2026; kế hoạch sinh hoạt chuyên môn cấp xã, cụm trường;

Căn cứ vào điều kiện thực tế thời gian trong năm học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Trường PTDTBT TH Mường Pồn thời gian thực hiện chương trình năm học 2025-2026 cụ thể như sau:

*** Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục từ khối 1 đến khối 5:**

- Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục được xây dựng cụ thể theo từng ngày/lớp/ tuần (*Có thời khóa biểu chi tiết theo từng lớp và kế hoạch dạy học tuần của từng môn học, hoạt động giáo dục của từng khối lớp kèm theo*).

- Kế hoạch dạy bù đối với các ngày nghỉ lễ theo quy định hoặc các ngày nghỉ khác vì lý do bất khả kháng được xây dựng chi tiết theo thời điểm trước nghỉ lễ 01 tuần và các tuần sau nghỉ lễ.

- Nhà trường có kế hoạch điều chỉnh để đảm bảo kế hoạch dạy học đối với các ngày tổ chức hoạt động tập thể quy mô lớn ảnh hưởng đến kế hoạch dạy học của toàn trường hoặc khối lớp.

- Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động theo nhu cầu người học theo tình hình cụ thể của nhà trường.

- Chiều thứ Sáu hàng tuần học sinh toàn trường nghỉ học; CB, GV, NV thực hiện công tác hội họp và sinh hoạt chuyên môn theo quy định.

V. Giải pháp thực hiện

1. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

1.1. Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục

Thực hiện Chương trình GDPT theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT.

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch bài dạy theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT; lựa chọn nội dung giáo dục cốt lõi, cần thiết phù hợp với khung thời gian năm học 2025-2026 của UBND xã Thanh Nưa; bảo đảm thực hiện chương trình GDPT 2018 linh hoạt, chủ động, hiệu quả phù hợp với hoàn cảnh, điều kiện của nhà trường, đáp ứng yêu cầu thực hiện nhiệm vụ năm học của Bộ GD&ĐT.

Tổ chuyên môn, giáo viên tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục bắt buộc, tự chọn; bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong quá trình thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục, đảm bảo cuối năm học, học sinh đạt được yêu cầu cần đạt của Chương trình. Trong điều kiện cho phép, các tổ chuyên môn/giáo viên tạo môi trường cho học sinh trải nghiệm, vận dụng các kiến thức trên lớp, phát huy năng lực được học trong chương trình vào hoạt động giáo dục và thực tiễn.

Tổ chuyên môn, đội ngũ giáo viên xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục đảm bảo mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học (hoạt động giáo dục); tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học, chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh các lớp.

Hiệu trưởng, Phó Hiệu trưởng và Tổ trưởng chuyên môn phân công phê duyệt: kế hoạch dạy học tuần, kế hoạch các môn học và hoạt động giáo dục, kế hoạch giáo dục học sinh khuyết tật học hòa nhập; lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình Tiếng Việt; nội dung dạy học tích hợp

(tài liệu giáo dục an toàn giao thông, giáo dục địa phương, quốc phòng an ninh, khởi nghiệp, phòng cháy chữa cháy, quyền con người...), ôn tập kiểm tra bổ sung kiến thức, dạy học theo chủ đề, hoạt động tư vấn tâm lý học sinh, giáo dục truyền thống nhà trường,... trước khi giáo viên triển khai thực hiện.

1.2. Thực hiện chương trình, sách giáo khoa

Số lượng sách quy định tối thiểu đối với mỗi học sinh khối lớp 1,2,3,4,5 (theo danh mục SGK học sinh cấp tiểu học theo Công văn số 2616/SGDDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT).

Sách giáo khoa lớp 1 thực hiện như năm học 2020-2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh; Lớp 2 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 534/QĐ-UBND ngày 13/4/2021 và điều chỉnh theo Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh; Lớp 3 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 725/QĐ-UBND ngày 28/4/2022 của UBND tỉnh; Lớp 4 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 699/QĐ-UBND ngày 24/4/2023 của UBND tỉnh; Lớp 5 sử dụng sách giáo khoa được phê duyệt tại Quyết định số 877/QĐ-UBND ngày 10/5/2024 của UBND tỉnh.

Xuất bản phẩm tham khảo và vở (tập viết) sử dụng trong quá trình dạy và học tại các lớp thực hiện theo quy định tại thông tư 21/2014/TT-BGDĐT ngày 7/7/2014 của Bộ GD&ĐT.

Triển khai thực hiện kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học. Triển khai tổ chức dạy học môn Tiếng Anh theo Kế hoạch số 1687/KH-SGDĐT ngày 18/6/2024 và các văn bản hướng dẫn của Sở GD&ĐT trong năm học 2025-2026. Tiếp tục tăng cường tổ chức cho giáo viên, học sinh tham gia học tiếng Anh qua truyền hình, trực tuyến và các phương tiện truyền thông phù hợp khác; đẩy mạnh thực hành tiếng Anh qua các hoạt động giao tiếp, đọc truyện, trải nghiệm, các sân chơi, giao lưu tiếng Anh.

1.3. Dạy học 2 buổi/ngày

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, mỗi ngày bố trí không quá 07 tiết học, mỗi tiết học 35 phút; thực hiện kế hoạch dạy học tối thiểu 09 buổi/tuần (tương đương với 32 tiết/tuần).

Nội dung và hình thức dạy học:

- Buổi 1: Tổ chức dạy học nội dung Chương trình giáo dục phổ thông các môn học và hoạt động giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Buổi 2: Hoàn thiện đảm bảo thực hiện đủ số tiết các môn học theo quy định của Chương trình giáo dục phổ thông 2018. Tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục về văn hóa, nghệ thuật, giáo dục STEM, giáo dục văn hóa đọc, văn hóa học đường, giáo dục đạo đức, giáo dục kỹ năng sống, giáo dục tài chính, giáo dục kiến thức về trật tự an toàn giao thông; giáo dục năng lực số, trí tuệ nhân tạo (AI), ngoại ngữ, thể thao, các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa

phương và các nội dung giáo dục khác theo quy định, đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh,...

Bố trí thời gian thực hiện chương trình khoa học, không gây áp lực đối với học sinh; các tổ chuyên môn chú trọng đa dạng hóa các hình thức tổ chức dạy học: tự học có hướng dẫn của giáo viên, học tập theo nhóm, học trải nghiệm, sinh hoạt câu lạc bộ,...

1.4 Công tác bán trú

- Thực hiện văn bản số 03/2023TT-BGDĐT, ngày 06/02/2023 về Ban hành Quy chế và tổ chức hoạt động của trường PTDTBT, Nghị định 66/2025/NĐ-CP ngày 12/3/2025 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ giáo dục cho trẻ em và học viên ở vùng dân tộc thiểu số, miền núi, vùng bãi ngang, ven biển, hải đảo, và các cơ sở giáo dục có đối tượng hưởng chính sách. Xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế. Tổ chức cho học sinh ăn 3 bữa theo thực đơn cân bằng dinh dưỡng và ngủ tại trường từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần. Thực hiện đúng quy định về chế độ của học sinh theo Nghị định 66/2025/NĐ-CP ; công khai hàng ngày số lượng thực đơn, định mức cho việc nấu ăn, phục vụ học sinh bán trú; Tổ chức quản lý học sinh bán trú theo quy định tại Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 27/6/2011 của Bộ GDĐT về Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân

- Tổ chức dạy học cả ngày và bán trú thực hiện quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, lưu trữ mẫu thức ăn hàng ngày, không để xảy ra ngộ độc thực phẩm, không sử dụng lương thực, thực phẩm kém chất lượng nấu ăn cho học sinh.

- Bố trí lực lượng cán bộ GV trực bán trú hàng ngày, quán xuyến học sinh trong toàn bộ các hoạt động: Vệ sinh phòng ở, vệ sinh phòng ăn, học tập buổi tối, kiểm tra sĩ số học sinh ...

2. Triển khai thực hiện tích hợp, lồng ghép một số nội dung giáo dục

2.1. Nội dung Giáo dục địa phương

Xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương tích hợp, lồng ghép trong kế hoạch giáo dục nhà trường theo hướng dẫn tại Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 của Bộ GD&ĐT về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học với hình thức linh hoạt, phù hợp với hoàn cảnh cụ thể của nhà trường, địa phương đảm bảo mục tiêu và chất lượng giáo dục.

Sử dụng “Tài liệu Giáo dục địa phương tỉnh Điện Biên lớp 1,2,3,4,5” đã được phê duyệt.

Nội dung giáo dục địa phương lớp 1,2,3,4,5 tỉnh Điện Biên được dạy học tích hợp trong các môn học và môn hoạt động trải nghiệm theo hướng dẫn quy định tại công văn số 99/SGDĐT-GDTH ngày 19/01/2021 và công văn số 2616/SGDĐT-GDMNTH ngày 29/8/2025 của Sở GD&ĐT về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2025-2026 (22 tiết/năm học, trong đó học kỳ I: 12 tiết, học kỳ II: 10 tiết);

Chủ đề thiên nhiên và con người địa phương trong Tài liệu giáo dục địa phương lớp 4 tỉnh Điện Biên được thực hiện với thời lượng 4 tiết trước khi tổ chức dạy học các nội dung khác của mạch nội dung "Địa phương và các vùng miền của Việt Nam" trong Chương trình GDPT 2018 đối với môn Lịch sử và Địa lý lớp 4.

Tổ chuyên môn chỉ đạo giáo viên cập nhật thông tin thay đổi địa giới hành chính sau khi thực hiện chính quyền địa phương 2 cấp, sát nhập cấp xã. Giáo viên chủ động khai thác thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng để quảng bá hình ảnh của địa phương, sử dụng những chuyên đề phù hợp trong quá trình giảng dạy và tổ chức các hoạt động giáo dục của lớp.

2.2. Triển khai giáo dục STEM

Tiếp tục triển khai giáo dục STEM theo hướng dẫn của Bộ, Sở GD&ĐT (Công văn số 652/SGDĐT-GDMT ngày 22/3/2023 của Sở GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện giáo dục STEM cấp Tiểu học).

Tổ chuyên môn chủ động xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện giáo dục STEM trong kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục với hình thức linh hoạt, phù hợp với điều kiện cụ thể của khối, lớp. Giáo viên sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website <http://stemtieuhoc.edu.vn> và tổ chức lựa chọn tài liệu, các nguồn học liệu khác theo quy định tại Thông tư số 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/7/2014 của Bộ GD&ĐT. Thời lượng tổ chức thực hiện bài học STEM (Bài học STEM/ Hoạt động trải nghiệm STEM/Làm quen với nghiên cứu khoa học kỹ thuật) được tổ chuyên môn, lớp xây dựng dựa trên thời lượng các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan đến bài học STEM một cách khoa học, linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lý lứa tuổi học sinh, không gây quá tải đối với học sinh và giáo viên và được thể hiện trong kế hoạch giáo dục dạy học theo quy định.

2.3. Giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống

Sử dụng tài liệu được phê duyệt tại quyết định số 4246/QĐ-BGDĐT ngày 11/12/2023 của Bộ GD&ĐT về việc Phê duyệt tài liệu hướng dẫn giáo viên tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống cho học sinh tiểu học trong các môn học (Đạo đức, Tiếng Việt, Hoạt động trải nghiệm).

Thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục trong chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với mục tiêu, nội dung và yêu cầu cần đạt của bài học/mạch kiến thức/chủ đề của các môn học, hoạt động giáo dục

Việc lồng ghép, tích hợp giáo dục lý tưởng cách mạng, đạo đức, lối sống trong các môn học, hoạt động giáo dục phải thực hiện linh hoạt, mềm dẻo, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương và nhà trường, không khiên cưỡng hay gây quá tải cho học sinh, giáo viên.

2.4. Giáo dục nội dung quốc phòng – an ninh

Tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục Quốc phòng và An ninh vào các môn học theo quy định tại Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục đối với từng lớp, phù hợp với khả năng nhận thức của học sinh, tập trung vào các môn học: Tiếng Việt; Tự nhiên và Xã hội; Đạo đức; Lịch sử và Địa lí; Nghệ thuật (Âm nhạc, Mĩ thuật); Hoạt động trải nghiệm. Thời lượng lồng ghép bảo đảm đủ nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh cần truyền đạt, không làm tăng thời lượng học của các môn học và hoạt động giáo dục.

Chủ đề lồng ghép chung từ lớp 1 đến lớp 5: giáo dục tình yêu quê hương, yêu hòa bình, yêu Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; niềm tự hào, tự tôn dân tộc, lòng biết ơn các anh hùng, liệt sĩ trong xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; bảo vệ an ninh quốc gia, giữ gìn trật tự an toàn xã hội; giới thiệu chủ quyền biển, đảo của Việt Nam; giáo dục tinh thần đoàn kết, tương trợ, giúp đỡ nhau, có ý thức tổ chức kỉ luật trong học tập.

2.5. Giáo dục Tin học, nội dung giáo dục kĩ năng công dân số

Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục Tin học, giáo dục kĩ năng công dân số cho học sinh theo hướng dẫn tại Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GDĐT ngay từ lớp 1 nhằm hình thành các kĩ năng cần thiết cho công dân số, làm cơ sở để học sinh tiếp cận, học tập thuận lợi môn Tin học ở các lớp 3,4,5. Tổ chức tập huấn cho đội ngũ giáo viên về xây dựng kế hoạch triển khai giáo dục kĩ năng công dân số theo hướng dẫn của Bộ GDĐT.

Thực hiện hiệu quả giáo dục kỹ năng số, đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số. Tổ chuyên môn nghiên cứu đưa nội dung giáo dục kỹ năng số được giảng dạy cho học sinh thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT tại Công văn số 3899/BGDĐT-GDTH ngày 30/7/2024.

2.6. Giáo dục An toàn giao thông

Thực hiện theo hướng dẫn tại công văn số 1362/BGDĐT-GDTH ngày 7/4/2021 của Bộ GD&ĐT hướng dẫn tổ chức giáo dục An toàn giao thông cấp Tiểu học.

Sử dụng Bộ tài liệu “Giáo dục an toàn giao thông dành cho học sinh tiểu học” được Bộ GD&ĐT phê duyệt tại Quyết định số 4667/QĐ-BGDĐT ngày 24/12/2020 để giáo dục tích hợp, lồng ghép nội dung giáo dục an toàn giao thông vào quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục.

2.7. Giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu

Sử dụng tài liệu “Giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong trường phổ thông”

Tích hợp nội dung giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trong một số môn học có những kiến thức chứa đựng hoặc có liên quan đến nội dung giáo dục phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu và với các mức độ khác nhau như môn Tự nhiên – Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức, Hoạt động trải nghiệm...

Dạy học lồng ghép, tích hợp để trang bị cho học sinh một số kiến thức cơ bản về thiên tai và một số kịch bản để ứng phó như nội dung Phòng, chống lũ lụt; Ứng phó với hiện tượng sạt lở đất/đá; Ứng phó với hạn hán; Ứng phó khi có bão, lốc; Những biện pháp đảm bảo an toàn khi có giông và sét; Những biện pháp đảm bảo an toàn khi có mưa đá; Những biện pháp an toàn ứng phó khi động đất,... Giúp học sinh không chỉ có kiến thức mà còn rèn luyện cho các em thái độ, kỹ năng, hành vi trong ứng phó biến đổi khí hậu và phòng chống thiên tai, có lối sống thân thiện với môi trường.

2.8. Giáo dục quyền con người

Triển khai kế hoạch số 1840/KH-BGDĐT ngày 28/12/2022 của Bộ GD&ĐT về việc triển khai đề án đưa nội dung quyền con người vào chương trình giáo dục trong hệ thống giáo dục quốc gia.

Thực hiện lồng ghép, tích hợp nội dung giáo dục quyền con người trong chương trình môn học, hoạt động giáo dục như môn Đạo đức, Tiếng Việt, Tự nhiên – Xã hội, Khoa học, Hoạt động trải nghiệm (đã được tập huấn tháng 12/2023)

2.9. Giáo dục an toàn trường học

Thực hiện theo điều 9 của Thông tư số 18/2023/TT-BGDĐT ngày 26/10/2023 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng trường học an toàn, phòng chống tai nạn thương tích trong cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên.

Thực hiện giáo dục lồng ghép, tích hợp các kiến thức, kỹ năng đảm bảo an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích, xâm hại trẻ em trong các môn học và trong các hoạt động giáo dục (như môn TN-XH, Khoa học, Hoạt động trải nghiệm, Giáo dục thể chất, các hoạt động tập thể, câu lạc bộ...).

Sử dụng tài liệu hướng dẫn chăm sóc sức khỏe học đường (Tài liệu dùng cho giáo viên, cán bộ phụ trách đoàn, đội và cán bộ y tế học đường) để giáo dục học sinh qua hoạt động giáo dục ngoài giờ lên lớp cho học sinh.

Ngoài ra còn một số nội dung giáo dục như phòng chống bạo lực học đường, tệ nạn xã hội trong nhà trường, cộng đồng và trên môi trường mạng; phòng chống đuối nước; phòng cháy chữa cháy; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống các dịch bệnh theo mùa,

2.10. Tích hợp các nội dung lịch sử quan hệ đặc biệt Việt Nam- Lào, Lào- Việt Nam

Thực hiện nội dung giáo dục “Lịch sử quan hệ đặc biệt hai nước Việt Nam- Lào, Lào- Việt Nam” nhằm nâng cao nhận thức và hiểu biết của học sinh về mối quan hệ lịch sử đặc biệt giữa hai nước thông qua các sự kiện, hình ảnh, dữ liệu được đưa vào nội dung các môn học (Tiếng Việt, Lịch sử và Địa lý, Đạo đức) và Hoạt động trải nghiệm. Các dữ liệu này sẽ cung cấp cho học sinh các kiến thức về sự hợp tác giữa hai nước trong cuộc kháng chiến chống Pháp, chống Mĩ và trên các lĩnh vực khác, thông qua bài viết và hình ảnh của các lãnh đạo và quân dân hai nước, về các hoạt động chung.

Giáo dục tinh thần yêu nước và tình đoàn kết giữa hai dân tộc, hai đất nước; bồi dưỡng ý thức giữ gìn và phát huy truyền thống đoàn kết giữa hai dân tộc.

3. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.

a) Thực hiện hiệu quả các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Giáo viên quyết định phương pháp, hình thức tổ chức hoạt động giáo dục, trong đó có phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, đáp ứng mục tiêu, yêu cầu của chương trình giáo dục, bảo đảm chất lượng, hiệu quả; vận dụng những thành tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành, trải nghiệm, dạy tích hợp các nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức đã học vào thực tế cuộc sống.

Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ GD&ĐT; thực hiện đánh giá học sinh phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông.

Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kỳ. Các tổ chuyên môn xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kỳ đối với các môn học có bài kiểm tra định kỳ. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh tùy tiện, máy móc, khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

b) Dạy Tăng cường tiếng Việt cho học sinh vùng dân tộc thiểu số

Triển khai dạy học tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi thực hiện Chương trình lớp Một theo quy định tại Thông tư 23/2023/TT-BGDĐT ngày 08/12/2023, thời lượng 72 tiết(hoàn thành trong tháng 8/2025).

Lớp 1,2,3 tổ chức tăng cường tiếng Việt cho học sinh qua các môn học và hoạt động giáo dục tối thiểu 01 tiết/tuần, tài liệu theo Quyết định số 631/QĐ-BGDĐT ngày 15/3/2019 dành cho giáo viên và học sinh lớp 1 vùng DTTS, Quyết định số 189/QĐ-BGDĐT ngày 20/01/2020 dành cho giáo viên lớp 2 và học sinh lớp 2, Quyết định số 733/QĐ-BGDĐT ngày 19/02/2021 dành cho giáo viên lớp 3 và học sinh lớp 3.

Giáo viên xây dựng lộ trình giúp học sinh hoàn thành yêu cầu cần đạt của chương trình môn Tiếng Việt. Tiếp tục triển khai thực hiện giải pháp dạy viết bài văn, đoạn văn theo hướng mở, dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt. Tăng cường nội dung đọc hiểu văn bản, mở rộng vốn từ, xây dựng cây từ vựng tiếng Việt, dạy tiếng Việt cho học sinh dân tộc gắn với giao tiếp.

Xây dựng thói quen đọc sách cho học sinh thông qua việc tổ chức tiết đọc sách tại thư viện, nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện xanh, thư viện lưu động, thư viện góc lớp, duy trì hiệu quả hoạt động giao lưu tiếng Việt. Hướng

dẫn học sinh thao tác các tính năng trên phần mềm “Vui đọc cùng em” nhằm tăng cường năng lực đọc cho học sinh đồng thời tổ chức các hoạt động để học sinh trau dồi năng lực tiếng Việt.

c) Đối với trẻ khuyết tật

Thực hiện nghiêm túc Luật Người khuyết tật 2010, Thông tư liên tịch số 42/2013/TTLT-BGDĐT-BLĐTBXH-BTC quy định chính sách giáo dục đối với người khuyết tật; Thông tư số 03/2018/TT-BGDĐT quy định về giáo dục hòa nhập đối với người khuyết tật.

Huy động 100% số trẻ từ 6 đến 10 tuổi khuyết tật có khả năng học tập, học hòa nhập. Bố trí hợp lý số lượng học sinh trong lớp có học sinh khuyết tật, bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, tăng cường giáo dục hòa nhập, đặc biệt là trẻ em mắc bệnh tự kỉ, trầm cảm. Tăng cường tuyên truyền trong đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên về vấn đề giáo dục hòa nhập, trong đó học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân; tùy theo dạng tật, mức độ khuyết tật mà học sinh được miễn một phần, một số nội dung, một số môn học với mục tiêu giúp học sinh khuyết tật được tương tác cùng bạn bè, các em hòa nhập và yêu cuộc sống.

Chỉ đạo việc xây dựng và phê duyệt kế hoạch dạy học hòa nhập học sinh khuyết tật của các khối lớp. Phân công giáo viên chủ nhiệm, giáo viên dạy bộ môn và giáo viên kiêm hỗ trợ học sinh khuyết tật trong thực hiện chương trình giáo dục hòa nhập. Phối hợp với Trung tâm Hỗ trợ phát triển Giáo dục hòa nhập tỉnh tư vấn hỗ trợ cho giáo viên về thực hiện giáo dục cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Đánh giá học sinh khuyết tật theo nguyên tắc động viên, khuyến khích sự nỗ lực và sự tiến bộ của học sinh là chính. Việc đánh giá sự tiến bộ của trẻ được ghi trong sổ theo dõi trẻ khuyết tật.

d) Bồi dưỡng học sinh năng khiếu

Tiếp tục tổ chức hợp lý các hoạt động giáo dục, giao lưu, các sân chơi trí tuệ bổ ích và thân thiện nhằm phát triển năng lực, phù hợp với đặc điểm tâm sinh lý và nội dung học tập của học sinh Tiểu học như: Giao lưu tiếng Việt, giao lưu Toán tuổi thơ, kể chuyện theo sách, triển lãm sách, triển lãm tranh, tìm hiểu An toàn giao thông, câu lạc bộ tiếng Anh, Tin học, STEM, các cuộc giao lưu trên mạng Internet (Tiếng Anh IOE, giải Toán), giao lưu Olympic các môn Toán, tiếng Việt,... Học sinh tham gia tự nguyện, được sự đồng ý của phụ huynh, không gây căng thẳng cho học sinh.,

Tăng cường tập luyện các hoạt động thể dục thể thao: điền kinh, bóng đá, đá cầu, bóng bàn, thể dục Aerobic, cờ vua, bơi, bóng rổ, pickleball,... nhằm nâng cao chất lượng giáo dục thể chất cho học sinh. Tuyển chọn đội tuyển tập luyện tham gia giải thể thao học sinh đạt kết quả cao.

4. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

a) *Bảo đảm các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học*

Nhà trường tiếp tục tham mưu với các cấp có thẩm quyền và huy động các nguồn lực, các tổ chức xã hội, các nhà hảo tâm và sự đóng góp công sức của nhân dân để xây dựng, tu sửa cơ sở vật chất, đảm bảo các điều kiện để thực hiện

Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Rà soát, sắp xếp bàn ghế học sinh đảm bảo tiêu chuẩn bàn ghế học sinh quy định tại Thông tư liên tịch số 26/2011/TTLT-BGDĐT-BKHCN-BYT ngày 16/6/2011 của Bộ GD&ĐT, Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Y tế. Bố trí nhân lực nhà trường để sửa chữa những bàn ghế bị lỏng, mất ốc vít, gãy,...

Tiếp tục tham mưu UBND xã đầu tư tu sửa một số hạng mục Nhà ăn, nhà bán trú, bể nước, nhà tắm, công trình vệ sinh tại trung tâm và điểm trường. Tích cực tham mưu các nguồn xã hội hóa để sửa đường điện, quạt mát ở các phòng học và phòng chức năng, sửa hệ thống mạng internet toàn trường, sửa máy chiếu đã hư hỏng bóng, làm sân tập bộ môn pickleball, ...

Tiếp tục tham mưu với các cấp đầu tư thiết bị dạy học mới theo quy định tại Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 của Bộ GD&ĐT về Ban hành danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp tiểu học, đảm bảo 01 bộ thiết bị dạy học tối thiểu/01 lớp. Tiếp tục sử dụng những thiết bị hiện có ở nhà trường như "Bộ đồ dùng dạy học Tiếng Việt 1, bộ đồ dùng dạy học Toán 1, bộ chữ dạy tập viết, tranh ảnh, bản đồ, dụng cụ đo lường, bộ lắp ghép kỹ thuật".

Chỉ đạo tổ chuyên môn, giáo viên chủ động tăng cường khai thác các thiết bị dạy học hiện đại, thiết bị dạy học có yếu tố công nghệ thông tin, phần mềm dạy học. Sử dụng triệt để các đồ chơi, thiết bị vận động ngoài trời cho học sinh tập luyện. Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, trang trí lớp học một cách linh hoạt, sáng tạo đáp ứng đổi mới phương pháp dạy học, phù hợp với tâm lý học sinh. Tăng cường phát triển kho video bài dạy minh họa của đội ngũ giáo viên giỏi để giúp các giáo viên tham khảo, sử dụng để hỗ trợ trong công tác dạy và học các nội dung theo Chương trình GDPT 2018.

b) Nâng cao hoạt động của thư viện trường học

Tổ chức xây dựng kế hoạch hoạt động thư viện nhà trường, triển khai hiệu quả thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc, nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường.

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thư viện, phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; thường xuyên luân chuyển sách, truyện từ các lớp, các điểm trường nhằm tạo nguồn học liệu đa dạng, phong phú để HS tìm hiểu cũng như tăng cường năng lực đọc cho học sinh, nhất là HS ở các điểm trường Huổi Un, Pá Chả

Tổ chuyên môn thực hiện hiệu quả tiết đọc thư viện hàng tuần, sử dụng ứng dụng “Vui đọc cùng em” phù hợp chương trình giáo dục.

5. Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ

Thực hiện công tác bồi dưỡng thường xuyên theo Kế hoạch số 2184/KH-SGDĐT ngày 29/7/2025 của Sở GD&ĐT. Đánh giá kết quả bồi dưỡng thường xuyên theo quy định tại Thông tư số 17/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 và Thông tư số 18/2019/TT-BGDĐT ngày 01/11/2019 của Bộ GD&ĐT. Triển khai và thực hiện đầy đủ kế hoạch tập huấn cho các đối tượng thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tham gia, phối hợp tổ chức sinh hoạt chuyên môn cụm 3 theo Quyết định

số 1069/QĐ-SGDĐT ngày 13/8/2025 của Sở GD&ĐT. Tổ chức sinh hoạt chuyên môn theo hướng dẫn tại Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT tạo về hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp tiểu học.

Tiếp tục rà soát, bổ sung, phát triển đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học và hoạt động giáo dục tại nhà trường để thực hiện hiệu quả công tác bồi dưỡng theo hướng thường xuyên, liên tục, ngay tại tổ, trường. Gắn nội dung bồi dưỡng với sinh hoạt tổ chuyên môn nhằm nâng cao năng lực nghề nghiệp, hỗ trợ giáo viên xây dựng kế hoạch cá nhân, phát hiện kịp thời khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện chương trình, sách giáo khoa.

Khuyến khích giáo viên tự học, tự bồi dưỡng bằng nhiều hình thức phù hợp; tiếp tục thực hiện đánh giá, bồi dưỡng thường xuyên thực chất theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Đối với đội ngũ giáo viên dạy các môn chuyên (Âm nhạc, Mĩ thuật, Giáo dục thể chất, Tiếng Anh, Tin học) phối hợp tổ chức bồi dưỡng thường xuyên trong năm học theo cụm trường hoặc liên kết giữa các trường trong địa bàn xã với hình thức phù hợp với điều kiện của nhà trường.

Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá xếp loại phó Hiệu trưởng và giáo viên theo quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 của Bộ GD&ĐT về chuẩn Hiệu trưởng trường tiểu học, Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ GD&ĐT quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông. Đổi mới công tác quản lý đánh giá xếp loại cán bộ quản lý và giáo viên theo hướng chất lượng, hiệu quả, sáng tạo.

6. Thực hiện quy chế sinh hoạt chuyên môn

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn cấp tổ 2 buổi/tháng; cấp trường 1 lần/tháng, mỗi buổi thực hiện trong 3 tiết, mỗi tiết 45 phút; lựa chọn nội dung sinh hoạt cụm chuyên môn thiết thực, đáp ứng nhu cầu giáo viên, góp phần nâng cao năng lực giáo viên, tránh hình thức, chạy theo thành tích; chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ quan sát lớp học, nghiên cứu bài học và khai thác các chuyên đề dạy học.

Chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học; nâng cao chất lượng và thực chất trong việc xây dựng kế hoạch bài dạy (giáo án) bảo đảm tạo thuận lợi cho quá trình triển khai phương pháp dạy học, kĩ thuật kiểm tra đánh giá nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh; tham khảo các bài giảng trên truyền hình, kho học liệu số dùng chung của Bộ GD&ĐT để nâng cao năng lực nghề nghiệp cho đội ngũ giáo viên nhà trường.

7. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và giáo dục kỹ năng công dân số

Xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện Đề án "Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến 2030" phù hợp với điều kiện địa phương. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng thiết bị chuyển đổi số cho giáo viên; chuẩn bị sẵn các phương án dạy học trực tuyến sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh xảy ra không thể tổ chức

dạy học trực tiếp.

100% cán bộ quản lý, giáo viên sử dụng hệ thống “Trường học kết nối”, khai thác sử dụng "Hành trang số", phát huy hiệu quả nguồn tài nguyên, kinh nghiệm của giáo viên cấp tiểu học trong quá trình bồi dưỡng tập trung và tự bồi dưỡng trên hệ thống LMS. Tổ chức các hoạt động chuyên môn; sưu tầm, tuyển chọn tư liệu, xây dựng kho tư liệu chuyên môn, thiết kế bài giảng điện tử, ghi hình các hoạt động dạy học, sự kiện thể thao, giao lưu tiếng Việt, hoạt động câu lạc bộ, giáo dục ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm sáng tạo, hoạt động Đội Thiếu niên tiền phong Hồ Chí Minh, Sao Nhi đồng.

Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong quá trình dạy học các môn học, hoạt động giáo dục và công tác thống kê, báo cáo, quản lý dữ liệu bằng hệ thống phần mềm quản lý trường tiểu học, phần mềm EQMS trong cơ sở dữ liệu (csdl.moet.gov.vn), phần mềm phổ cập giáo dục và xóa mù chữ, phần mềm dạy học trực tuyến, dạy học trên truyền hình VTV. Thường xuyên khai thác thông tin trên mạng Internet và truy cập Website www.dienbien.edu.vn, www.tieuhocmoet.gov.vn, www.moet.gov.vn; Kênh youtube: Cộng đồng giáo viên sáng tạo tỉnh Điện Biên; Website của các Sở Giáo dục và Đào tạo trong khu vực và trên phạm vi cả nước.

Chỉ đạo thực hiện quyết định số hoá tất cả các loại văn bản, hồ sơ, sổ sách chuyên môn trên phần mềm quản lý trường học (vnedu, edoc), thực hiện ký số; quản lý tất cả các loại văn bản, kế hoạch hồ sơ sổ sách chuyên môn trên môi trường số (bao gồm: hồ sơ chuyên môn, hồ sơ thư viện, hồ sơ theo dõi công tác y tế trường học, kế hoạch hoạt động công tác Đội TNTP Hồ Chí Minh, kế hoạch dạy học các môn học, kế hoạch tuần,...). Cán bộ, giáo viên, nhân viên nhà trường chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng về công tác chuyển đổi số thuộc nhiệm vụ và các lĩnh vực được giao phụ trách, đảm nhiệm.

Thực hiện việc đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học; tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT.

Thực hiện sử dụng học bạ số ở tất cả các khối lớp theo hướng dẫn của Bộ GD&ĐT và Chỉ thị số 04/CT-TTg ngày 11/02/2024 của Thủ tướng Chính phủ. Tiếp tục nghiên cứu, tập huấn, hướng dẫn cho cán bộ, giáo viên để triển khai hiệu quả học bạ số tại nhà trường; thực hiện đúng quy trình từ khâu nhập liệu học bạ số, đánh giá năng lực, phẩm chất học sinh đảm bảo theo văn bản chỉ đạo của Bộ GD&ĐT.

VI. Tổ chức thực hiện

1. Đối với Hiệu trưởng

Thực hiện nghiêm túc quy định về nhiệm vụ và quyền hạn tại điều 11 Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về Điều lệ trường Tiểu học. Quản lý, chỉ đạo chung và toàn diện các hoạt động giáo dục của nhà trường.

Tổ chức xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường theo Phụ lục 1 và đảm bảo các nội dung. Phê duyệt kế hoạch theo hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch dạy học, giáo dục.

Trực tiếp phụ trách một số hoạt động giáo dục trong nhà trường; lập kế hoạch công việc mình phụ trách.

Chỉ đạo các đoàn thể, tổ chuyên môn, tổ văn phòng lập kế hoạch hoạt động chi tiết, cụ thể cho năm, tháng, tuần theo quy định.

Phân công công việc hợp lý cho đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên.

Tổ chức triển khai thực hiện chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ GD&ĐT; sách giáo khoa, nội dung giáo dục của địa phương theo quyết định của UBND cấp tỉnh. Thực hiện quản lý, sử dụng và lựa chọn các xuất bản phẩm tham khảo sử dụng trong nhà trường theo quy định của Bộ GD&ĐT.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý. Dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với hiệu trưởng.

Quản lý hành chính; quản lý và tự chủ trong việc sử dụng các nguồn tài chính, tài sản của nhà trường theo quy định.

Tổ chức thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở; thực hiện xã hội hoá giáo dục, phối hợp tổ chức, huy động các lực lượng xã hội cùng tham gia hoạt động giáo dục, phát huy vai trò của nhà trường đối với cộng đồng xã hội.

Xây dựng môi trường học đường an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường theo quy định của pháp luật.

2. Đối với Phó hiệu trưởng

Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn theo quy định tại Điều 11 Điều lệ trường tiểu học ban hành kèm theo thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng bộ Giáo dục và Đào tạo; được Hiệu trưởng ủy quyền chỉ đạo công việc của nhà trường khi Hiệu trưởng đi công tác vắng.

Giúp hiệu trưởng phụ trách hoạt động chuyên môn. Tổ chức kiểm tra, đôn đốc các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

Tham gia sinh hoạt cùng tổ chuyên môn; tự học, tự bồi dưỡng để nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ, năng lực quản lý; dự các lớp bồi dưỡng về chính trị, chuyên môn, nghiệp vụ quản lý; tham gia giảng dạy theo quy định về định mức tiết dạy đối với phó hiệu trưởng.

Thực hiện đổi mới sinh hoạt chuyên môn, nâng cao chất lượng đội ngũ, kiểm tra, giám sát các hoạt động chuyên môn; tăng cường các giải pháp để nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, phát triển học sinh năng khiếu.

Xây dựng thời khóa biểu phù hợp với tình hình thực tế của nhà trường. Thời khóa biểu phải đảm bảo ưu tiên người học không gây quá tải cho học sinh.

Quản lý chỉ đạo các hoạt động chuyên môn, các hoạt động công tác bán trú, quản lý các phần mềm liên quan đến các hoạt động giáo dục.

Xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động ngoài giờ lên lớp, hoạt động trải nghiệm; kế hoạch bồi dưỡng học sinh có năng khiếu, phụ đạo học sinh nhận thức chậm và các hoạt động khác có liên quan đến giáo dục..

Tham gia chỉ đạo các tổ chuyên môn hoạt động theo đúng Điều lệ trường tiểu học. Tổ chức các chuyên đề, hội thảo cấp trường về dạy học các môn học các khối lớp; đổi mới phương pháp dạy học.

Kịp thời phản ánh, tham mưu với Hiệu trưởng những vấn đề phát sinh để điều chỉnh, bổ sung kế hoạch giáo dục cho phù hợp và hiệu quả.

3. Đối với tổ trưởng chuyên môn

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường. Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, xây dựng và giải trình kế hoạch dạy học các môn học theo yêu cầu của chương trình giáo dục phổ thông 2018 của tổ theo tuần, tháng, học kỳ và năm học.

Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch của tổ chuyên môn.

Thực hiện kế hoạch hoạt động chuyên môn của trường, của tổ chủ động và linh hoạt.

Tổ chức sinh hoạt tổ chuyên môn theo quy định.

Tổ chức cho giáo viên thực hiện lựa chọn sách giáo khoa theo quy định của Bộ GD&ĐT và UBND cấp tỉnh. Đề xuất các xuất bản phẩm tham khảo để lựa chọn sử dụng trong nhà trường theo quy định.

Thực hiện công tác thăm lớp dự giờ, góp ý rút kinh nghiệm các giờ dạy và thực hiện bồi dưỡng giáo viên của tổ.

Thực hiện công tác kiểm tra đánh giá các hoạt động chuyên môn theo sự phân công. Tham gia đánh giá, xếp loại giáo viên theo quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông; tham gia đánh giá hiệu trưởng, phó hiệu trưởng theo Chuẩn hiệu trưởng.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn tổ/ khối theo quy định (2 lần/tháng).

Triển khai các kế hoạch giáo dục nhà trường đến các thành viên trong tổ.

Thực hiện chế độ giao ban, báo cáo theo lịch của BGH.

4. Đối với Tổng phụ trách đội TNTPHCM

Tham mưu cho Hiệu trưởng để quyết định các vấn đề thuộc lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ công tác Đội và phong trào thiếu nhi trong phạm vi nhà trường.

Lập kế hoạch, tổ chức, quản lý các chương trình hoạt động cho đội viên, HS trong nhà trường theo kế hoạch của ngành Giáo dục, chương trình công tác Đội và phong trào thiếu nhi của Hội đồng Đội các cấp.

Xây dựng kế hoạch duyệt Hiệu trưởng và phối hợp với các giáo viên khác tổ chức tốt hoạt động trải nghiệm, tổ chức sinh hoạt dưới cờ theo chủ đề, các hoạt động phong trào, hoạt động ngoài giờ lên lớp.

Xây dựng hệ thống tổ chức cơ sở Đội trong nhà trường theo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh; bồi dưỡng đội ngũ phụ trách chi đội, ban chỉ huy Đội các cấp.

Phối hợp với các tổ chức, cá nhân có liên quan để tổ chức các hoạt động Đội và phong trào thiếu nhi, hoạt động giáo dục trong nhà trường.

5. Đối với giáo viên chủ nhiệm

Thực hiện giáo dục theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình phụ trách. Tham gia xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục. Mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn học (hoạt động giáo dục), tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học, chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh của lớp.

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá HS theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác. Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước học sinh; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng học sinh; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học sinh.

Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn..

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

Tham gia lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

Xây dựng kế hoạch chủ nhiệm lớp, Chịu trách nhiệm về nề nếp, chất lượng giáo dục môn học/ lớp mình đảm nhiệm; Phối kết hợp với các ban, đoàn thể trong nhà trường thực hiện tốt hoạt động giáo dục; hoạt động trải nghiệm, hoạt động ngoại khóa.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Hiệu trưởng.

6. Đối với giáo viên phụ trách môn học

Thực hiện giáo dục theo mục tiêu của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học và kế hoạch giáo dục của nhà trường. Chủ động thực hiện và chịu trách nhiệm về kế hoạch giáo dục; tự chủ, tự chịu trách nhiệm về thực hiện nhiệm vụ chuyên môn và chất lượng, hiệu quả giáo dục từng học sinh của lớp mình giảng dạy. Tham gia xây dựng kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục. Mỗi giáo viên nắm vững mạch nội dung, yêu cầu cần đạt của chương trình môn

học (hoạt động giáo dục), tổ chức hướng dẫn học sinh tiếp thu nội dung bài học, chủ đề học tập trong sách giáo khoa phù hợp với điều kiện cơ sở vật chất nhà trường và năng lực học sinh của lớp.

Tham gia xây dựng kế hoạch giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường; thường xuyên cập nhật những chỉ đạo của ngành; chuẩn bị, tổ chức dạy học và đánh giá HS theo quy định; thực hiện các hoạt động chuyên môn khác. Xây dựng mối quan hệ thân thiện, dân chủ giữa giáo viên với học sinh, với cha mẹ học sinh và cộng đồng; giúp học sinh chủ động, sáng tạo, tự tin, tự chủ trong học tập và rèn luyện.

Giữ gìn phẩm chất, danh dự, uy tín của nhà giáo; ứng xử văn hóa, đoàn kết, giúp đỡ đồng nghiệp; gương mẫu trước HS; thương yêu, đối xử công bằng và tôn trọng HS; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của HS.

Tự học, tự bồi dưỡng nâng cao năng lực nghề nghiệp; thực hiện nhiệm vụ bồi dưỡng thường xuyên giáo viên tiểu học theo quy định; trao đổi chia sẻ chuyên môn cùng đồng nghiệp trong và ngoài nhà trường thông qua các đợt sinh hoạt chuyên môn, tập huấn..

Ứng dụng công nghệ thông tin trong giảng dạy, học tập và sinh hoạt chuyên môn; sáng tạo, linh hoạt trong việc tự làm đồ dùng dạy học.

Tham gia lựa chọn sách giáo khoa theo quy định; đề nghị nhà trường trang bị các xuất bản phẩm tham khảo, thiết bị dạy học theo quy định, phù hợp để sử dụng trong quá trình dạy học.

Phối hợp với Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh, gia đình HS, cộng đồng và các tổ chức xã hội liên quan để thực hiện nhiệm vụ giáo dục.

Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và theo sự phân công của Hiệu trưởng.

7. Đối với nhân viên

7.1. Nhân viên TV+TB

Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học. Tổng hợp, báo cáo các lĩnh vực liên quan đến công tác thư viện, thiết bị trường học.

Tổ chức hệ thống phòng đọc, môi trường học tập, cung cấp thông tin, tài liệu đáp ứng nhu cầu tin của bạn đọc trong toàn trường.

Chuẩn bị thiết bị dạy học, hỗ trợ hướng dẫn HS sử dụng thiết bị thực hành, thí nghiệm.

Cập nhật sổ sách, mô tả, phân loại, sắp xếp khoa học và hệ thống tài liệu, thiết bị dạy học theo chương trình môn học;

Bảo quản, kiểm kê định kỳ vốn tài liệu, cơ sở vật chất kỹ thuật, thiết bị dạy học; thanh lý các tài liệu, thiết bị lạc hậu, cũ nát theo quy định của Nhà nước. Đề xuất sửa chữa, mua sắm bổ sung thiết bị dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục.

Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức “Tuần lễ học tập suốt đời”; “Ngày sách Việt Nam” để đảm hiệu quả hoạt động.

Tham gia học tập, bồi dưỡng nghiệp vụ thư viện, thiết bị trường học.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.2. Nhân viên Y tế

Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học.

Phối hợp với trạm y tế xã khám sức khỏe định kỳ cho học sinh; Giải quyết các trường hợp sơ cứu, xử lý ban đầu các bệnh thông thường

Tư vấn sức khỏe, vệ sinh phòng dịch cho CBGVNV và HS.

Thường xuyên theo dõi sức khỏe HS. Khám sức khỏe định kỳ và phân loại sức khỏe HS. Quản lý hồ sơ sức khỏe.

Thực hiện sơ kết, tổng kết, đánh giá tình hình sức khỏe học sinh, lập sổ sức khỏe, phiếu khám sức khỏe định kì.

Thực hiện chương trình chăm sóc sức khỏe trường học. Tuyên truyền công tác vệ sinh cá nhân, nâng cao kỹ năng phòng chống bệnh tật cho học sinh. Tham gia kiểm tra, xây dựng trường học (xanh - sạch - đẹp), an toàn vệ sinh.

Thực hiện thống kê, báo cáo về y tế trường học theo quy định của Bộ GD&ĐT, Bộ Y tế.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.3. Nhân viên kế toán

Lên dự kiến kế hoạch, thu chi cả năm, quý, tháng.

Quyết toán tài chính đúng qui định, thời gian.

Quản lý lao động, tiền lương của GV, CB, NV, giải quyết các thủ tục chế độ về tuyển dụng, thôi việc, nghỉ hưu theo quyết định.

Kết hợp với GV chủ nhiệm rà soát nhu cầu kinh phí cho HS và giải quyết chế độ cho HS theo qui định.

Thẩm định giá các hợp đồng kinh tế. Hoạch toán chi sinh hoạt cho HS bán trú.

Quản lý tài sản, cơ sở vật chất của nhà trường.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công.

7.4. Nhân viên phục vụ

Đảm bảo tốt vệ sinh môi trường (phòng làm việc, phòng họp, phòng học, hành lang, cầu thang, sân trường, hệ thống thoát nước, các khu vệ sinh của GV và HS, đảm bảo dọn vệ sinh sạch sẽ toàn bộ khuôn viên nhà trường).

Đảm bảo nước uống, vệ sinh an toàn, đầy đủ cho cán bộ, giáo viên.

Bảo quản các đồ dùng, dụng cụ được nhà trường trang bị.

Báo cáo kịp thời tình hình giữ gìn vệ sinh của các bộ phận, các thành viên trong nhà trường. Chủ động khắc phục những việc trong khả năng có thể, kiến nghị kịp thời những vấn đề nằm ngoài khả năng tự giải quyết của cá nhân.

Phối hợp tốt với bảo vệ và các GVCN để hoàn thành tốt nhiệm vụ, đóng góp tích cực vào việc xây dựng môi trường sư phạm của nhà trường xanh - sạch - đẹp.

Làm các công việc khác do BGH trực tiếp phân công

7.5. Nhân viên bảo vệ

Bảo vệ trông coi bảo vệ an toàn đất đai, tài sản, cơ sở vật chất, trang thiết bị trường lớp, không để xảy ra mất mát hay hư hỏng. Kiểm soát người ra vào cơ quan, giữ gìn trật tự an ninh trong khu vực trường. Quản lý chặt chẽ sử dụng có hiệu quả nguồn nước uống, nguồn điện sinh hoạt.

Mở và đóng cửa ra vào, cửa phòng học theo đúng quy định giờ giấc và theo yêu cầu phục vụ giảng dạy và học tập từ phía nhà trường.

Thực hiện công tác phòng cháy, chữa cháy và bảo quản thiết bị phòng cháy, chữa cháy.

Tham gia vào nhiệm vụ bảo vệ cho các kỳ thi tổ chức trong năm học.

Phối hợp với các cơ quan hữu quan để giải quyết các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, an toàn về người và tài sản trong phạm vi nhà trường. Đề xuất các biện pháp, giải pháp nhằm đảm bảo trật tự trị an, kỷ cương trường học.

Làm các công việc khác do Ban giám hiệu trực tiếp phân công. Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2025-2026 của trường PTDTBT TH Mùong Pôn. Tổ chuyên môn, tổ văn phòng căn cứ kế hoạch giáo dục của nhà trường và tình hình cụ thể của tổ để xây dựng kế hoạch chi tiết, tổ chức thực hiện nhiệm vụ đạt hiệu quả./.

Nơi nhận:

- Phòng Văn hóa – xã hội (để b/c);
- Ban đại diện cha mẹ học sinh; (phối hợp)
- Các tổ chuyên môn, tổ VP, GV (để t/h);
- Lưu: VT.

PHÓ HIỆU TRƯỞNG



Ngô Văn Đô